

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-PT

Ngày: 08 – 7 – 2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc V (U), sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1937. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D: Ông Trần Văn D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị D: Ông Trần Hiền T, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1952. Địa chỉ: Khóm 2, Phường 8, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khóm 9, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm 5, Phường 2, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Thu S: Ông Nguyễn Ngọc V (U), sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nhan Anh D, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ký Trọng N, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V (U).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ông Nguyễn Ngọc V là ông Nguyễn Ngọc T (tên thường gọi là Nguyễn Viết T) nhận chuyển nhượng (mua lại) của ông Nguyễn Kim K vào khoảng năm 1980 – 1981, hiện nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông T có đăng ký kê khai và đứng tên tại thửa đất số 1154, tờ bản đồ số 07 Sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì gia đình ông V sử dụng đất để trồng dừa nước, dừa ăn trái, tràm bông vàng và có ủ thành 01 nền nhà nhưng không sử dụng phần đất nền nhà; riêng phần đất trồng cây thì vẫn sử dụng và thu hoạch cây, trái. Ngày 15/10/2015, bà Nguyễn Thị D ra làm cỏ và khẳng định phần đất tranh chấp là của gia đình bà D cho cha mẹ ông V mượn nên hai bên xảy ra tranh chấp và gia đình bà D sử dụng phần đất tranh chấp từ khi tranh chấp (năm 2015) cho đến nay. Tại đơn khởi kiện, ông V yêu cầu bà D trả lại phần đất tranh chấp có diện tích là 370m² tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế vào ngày 17/3/2017, phần đất tranh chấp có diện tích là

473,66m² và sau đó, cơ quan chuyên môn yêu cầu tiến hành xem xét, thẩm định lại phần đất tranh chấp nhưng không tiến hành đo đạc lại được phần đất tranh chấp nên vào ngày 28/12/2020 ông V xác định lại vị trí phần đất tranh chấp, thì xác định được diện tích phần đất tranh chấp là 292,2m². Do đó, nay ông V khởi kiện yêu cầu bà D giao trả phần đất có diện tích là 292,2m²; tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất chênh lệch so với đơn khởi kiện là 77,8m². Ngoài ra, ông V không có yêu cầu gì khác và cũng không trình bày gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị D là ông Trần Văn D trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là đất kênh xáng để thoát nước và ghe xuồng đi, bà D khai phá (san lấp) từ năm 1960 và sử dụng từ đó cho đến nay. Ông V cho rằng phần đất tranh chấp là của ông T nhận chuyển nhượng của ông K là không đúng, mà phần đất ông T nhận chuyển nhượng của ông K là phần đất khác, không phải phần đất tranh chấp. Năm 2015, bà D đang làm cỏ trên phần đất tranh chấp thì ông V ra ngăn cản nên hai bên xảy ra tranh chấp cho đến nay. Bà D và ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông V đối với bà D về việc yêu cầu bà D giao trả diện tích đất tranh chấp. Nếu Ủy ban nhân dân xã L thu hồi thì bà D đồng ý giao đất vì đất này là đất lòng kênh thuộc Ủy ban nhân dân xã L quản lý nhưng phải hỗ trợ công bồi đắp, công gìn giữ và bồi thường hoa màu trên phần đất thu hồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trình bày tại Công văn số 1312/UBND-NC ngày 27/9/2017 và tại Công văn số 1312/UBND-NC ngày 17/9/2018 xác định:

- Phần đất tranh chấp giữa ông V và bà D có diện tích 473,66m² là một phần con kênh trước đây, không có giải thửa thuộc tờ bản đồ số 07 tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo bản đồ địa chính chụp không ảnh vào năm 1997 thì phần đất này vẫn thuộc lòng kênh.

Con kênh này là đoạn kênh kéo dài từ vị trí Đình Thần P đến vị trí cống ngăn mặn cầu C hiện tại do Ủy ban nhân dân xã L trực tiếp quản lý, sử dụng phục vụ cho nông nghiệp ở địa phương. Sau này khi không còn sử dụng thì người dân ven kênh tự ý san lấp, lấn chiếm sử dụng.

Căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều Luật Đất đai. Việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 được thực hiện như sau: Trường hợp đất lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng sau khi Nhà nước đã công bố, cấm mốc hành lang bảo vệ hoặc lấn, chiếm lòng đường, lề đường, vỉa hè sau khi Nhà nước đã công bố chỉ giới xây dựng hoặc lấn, chiếm đất sử dụng cho mục đích xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, công trình công cộng khác thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm.

Trường hợp đã có điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà nay diện tích đất lấn, chiếm không còn thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng; không thuộc chỉ giới xây dựng đường giao thông; không có mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công sự nghiệp và công trình công cộng khác thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, hiện tại chưa có chủ trương về việc sử dụng lại con kênh nêu trên hay không; thời gian tới Ủy ban nhân dân huyện sẽ có chủ trương sử dụng lại con kênh để phục vụ thủy lợi, tiêu thoát nước và các mục đích công cộng khác thì tiến hành thu hồi đất phục vụ cho công trình công cộng.

Từ những vấn đề đã nêu trên, hiện tại chưa có cơ sở xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất lấn chiếm này.

- Phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc V và bà Nguyễn Thị D đã được xác định là một phần kênh trước đây, không có giải thửa tại tờ bản đồ số 07 xã L. Trong thời gian chờ chủ trương về việc sử dụng lại con kênh này để phục vụ thủy lợi, tiêu thoát nước và các mục đích công cộng khác thì Ủy ban nhân dân huyện V không đồng ý tạm giao phần đất thuộc lòng kênh trước đây cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, huyện V trình bày: Phần đất tranh chấp là một phần con kênh trước đây, không có giải thửa thuộc tờ bản đồ số 07 tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu do Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu quản lý, sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Trước đây vài năm thì Ủy ban nhân dân xã L có sên vét kênh nhưng sau này không còn sử dụng và người dân đã lấn chiếm. Con kênh trước đây có diện tích bao nhiêu thì không nhớ nhưng chỉ biết ghe lớn ra vô được. Nếu cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp là một phần con kênh do Ủy ban nhân dân xã L quản lý và sử dụng vào mục đích nông nghiệp thì đề nghị Tòa án thu hồi phần đất này giao cho Ủy ban nhân dân xã L tiếp tục quản lý, sử dụng. Sau khi thu hồi thì Ủy ban nhân dân xã L sẽ kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện V xem xét có thể hỗ trợ đối với các tài sản trên phần đất tranh chấp cho các hộ dân lấn chiếm theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D giao trả diện tích đất 292,2m² gồm một phần thuộc lòng kênh cũ và một phần thuộc thửa đất số 1154, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D giao trả diện tích đất 77,8m² tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D giao trả diện tích đất 77,8m² tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/4/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Nguyễn Thị D trả lại cho ông diện tích đất 292,2m² và đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc đất tranh chấp trước khi xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp có 01 phần là lòng sông cũ và một phần thửa 1154. Lời khai ông N (là con ông K) xác định ông K có chuyển nhượng đất cho ông T nhưng không biết chuyển nhượng như thế nào, do đó không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của gia đình ông V. Bà D xác định nguồn gốc đất tranh chấp là do bà lấn chiếm lòng kênh cũ và sử dụng, được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Thu V, ông Nguyễn Tiến K, bà Nguyễn Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Thu S vắng mặt nhưng đều có ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc V. Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã L là ông Nhan Anh D và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V là ông Ký Trọng N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại cho ông diện tích đất 292,2m² và tiến hành đo đạc đất tranh chấp trước khi xét xử phúc thẩm, xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2017, Biên bản khảo sát vị trí, hướng phần đất tranh chấp theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc V ngày 28/12/2020 và Công văn số 296/TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V ngày 30/12/2020, phần đất ông V khởi kiện yêu cầu bà D giao trả có diện tích 292,2m², Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xác định trong diện tích đất tranh chấp 292,2m² có một phần thuộc lòng kênh cũ và một phần thuộc thửa đất số 1154, tờ bản đồ số 7, sổ mục kê ghi tên ông Nguyễn Viết T. Do đó, ông V kháng cáo yêu cầu tiến hành đo đạc đất tranh chấp trước khi xét xử phúc thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Ông V xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông T (là cha ông V) nhận chuyển nhượng của ông K vào khoảng năm 1980 – 1981, là một phần trong diện tích đất 5.436m² thuộc thửa đất số 1154, tờ bản đồ số 07 do ông T đứng tên kê khai trong sổ mục kê của Ủy ban nhân dân xã L quản lý, việc ông T nhận chuyển nhượng đất của ông K thì có ông Nguyễn Bá B và ông Nguyễn Hồng N biết. Xét thấy:

Tại lời khai ngày 22/01/2018 (Bút lục số 135 – 136), ông B xác định khoảng năm 1980 - 1981 thì ông và ông K có chuyển nhượng đất cho ông T, ông T có sử dụng phần đất tranh chấp, nhưng ông không trực tiếp chứng kiến việc ông K chuyển nhượng đất cho ông T và tại lời khai ngày 23/01/2018 (Bút lục số 138 – 139), ông N (con của ông K) xác định vào năm 1980 – 1981 ông K có bán cho ông T một phần đất trồng lá dừa nước, cụ thể giao dịch mua bán như thế nào ông không biết, phần đất ông K bán cho ông T có một phần giáp ranh với đất của bà D, phần đất tranh chấp hiện nay là đất lá, trũng và đã bồi đắp bằng phẳng, ai sử dụng và bồi đắp thì ông không biết. Như vậy, lời khai của ông B và ông N không đủ căn cứ xác định ông T nhận chuyển nhượng đất của ông K có bao gồm phần đất hiện nay ông V và bà D đang tranh chấp hay không.

Tại Công văn số 296/TNMT ngày 30/12/2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V xác định phần đất tranh chấp có một phần thuộc lòng kênh cũ và một phần thuộc thửa đất số 1154, tờ bản đồ số 7, sổ mục kê ghi tên ông Nguyễn Viết T; theo cơ sở dữ liệu quản lý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không tìm thấy dữ liệu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1154, tờ số 7; tuy nhiên cơ sở dữ liệu cấp giấy bị thiếu một số thời kỳ nên không

đủ cơ sở khẳng định các thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa. Do đó, không có căn cứ xác định toàn bộ phần đất tranh chấp đã được gia đình ông V kê khai đăng ký.

Ngoài ra, ông V còn xác định ông T và ông đã sử dụng phần đất tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng đất từ ông K cho đến nay để trồng dừa và trồng tràm. Bà D xác định dừa và tràm trên đất tranh chấp là do bà D trồng. Xét thấy, để chứng minh dừa và tràm trên đất tranh chấp là do gia đình ông trồng thì ông V có cung cấp người làm chứng là ông Lâm Sơn L, tuy nhiên tại Tờ xác nhận ngày 18/3/2021 ông L chỉ xác nhận có mua dừa của ông T khi ông T còn sống, không xác nhận thêm nội dung nào khác, do đó lời khai của ông L không có căn cứ xác định dừa có phải trồng trên đất tranh chấp hay không, trong khi thực tế gia đình ông V có trồng dừa trên các phần đất khác không có tranh chấp với bà D, nên không có căn cứ xác định gia đình ông V sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1980 – 1981 đến khi tranh chấp như ông V trình bày.

[2.3] Bà D xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là thuộc lòng sông cũ thuộc Ủy ban nhân dân xã L quản lý, nếu Ủy ban nhân dân xã L thu hồi thì bà D đồng ý giao đất, nhưng phải hỗ trợ công bồi đắp, công gìn giữ và bồi thường hoa màu trên phần đất thu hồi. Xét thấy, tại Công văn số 1312/UBND-NC ngày 17/9/2018 Ủy ban nhân dân huyện V xác định phần đất tranh chấp giữa ông V và bà D đã được xác định là một phần con kênh trước đây, không có giải thửa tại tờ bản đồ số 07 xã L, trong thời gian chờ chủ trương về việc sử dụng lại con kênh này để phục vụ thủy lợi, tiêu thoát nước và các mục đích công cộng khác thì Ủy ban nhân dân huyện V không đồng ý tạm giao phần đất thuộc lòng kênh trước đây cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Như vậy, lời khai của bà D phù hợp với sự xác định của Ủy ban nhân dân huyện V, nên có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là một phần con kênh trước đây do Nhà nước quản lý, không nằm trong phần đất ông T (cha ông V) nhận chuyển nhượng của ông K và Ủy ban nhân dân huyện V xác định trong thời gian chờ chủ trương về việc sử dụng lại con kênh này thì không đồng ý tạm giao phần đất thuộc lòng kênh trước đây cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V, có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc V là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D giao trả diện tích đất 292,2m² gồm một phần thuộc lòng kênh cũ và một phần thuộc thửa đất số 1154, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất ao ông Nguyễn Ngọc V đang sử dụng có số đo 19,6m.

Hướng Tây Bắc giáp đường kênh cũ có số đo 04m.

Hướng Tây Nam giáp với phần đất bà Nguyễn Thị D đang sử dụng có số đo 21m; 8,5m; 3,9m.

Hướng Bắc giáp với đường kênh cũ có số đo 12,3m; 10m.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D giao trả diện tích đất 77,8m² tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị D giao trả diện tích đất 77,8m² tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 1.000.000 đồng: Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu toàn bộ, ông V đã nộp xong và đã chi hết.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Nguyễn Ngọc V phải chịu 300.000 đồng. Ông V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 7.500.000 đồng theo Biên lai thu số 0004267 ngày 20/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng và được hoàn lại số tiền 7.200.000

đồng (Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc V được miễn nộp toàn bộ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều